

Họ và tên thí sinh:..... SBD:.....

PHẦN I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. (5.0 điểm)

Câu 1. Cơ chế miễn dịch được thực hiện bởi

- A. hệ nội tiết và hệ thần kinh. B. hệ tuần hoàn máu.
C. hệ miễn dịch. D. hệ tuần hoàn bạch huyết.

Câu 2. Miễn dịch không đặc hiệu gồm

- A. hàng rào bề mặt và hàng rào bên trong cơ thể.
B. miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào.
C. các hàng rào miễn dịch và miễn dịch tế bào.
D. hàng rào bề mặt và miễn dịch dịch thể.

Câu 3. Ở hệ tuần hoàn hở, máu chảy trong động mạch dưới

- A. áp lực cao, tốc độ máu chảy chậm. B. áp lực cao, tốc độ máu chảy nhanh.
C. áp lực thấp, tốc độ máu chảy nhanh. D. áp lực thấp, tốc độ máu chảy chậm.

Câu 4. Căn cứ vào bề mặt trao đổi khí, có thể chia hô hấp ở động vật thành

- A. hô hấp qua da, bằng mang và bằng phổi.
B. hô hấp bằng hệ thống ống khí, hô hấp bằng mang và bằng phổi.
C. hô hấp qua da, bằng hệ thống ống khí, bằng mang và bằng phổi.
D. hô hấp qua bề mặt cơ thể, bằng hệ thống ống khí, bằng mang và bằng phổi.

Câu 5. Khi nói về bệnh tự miễn, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Bệnh tự miễn là bệnh mà cơ thể không còn chức năng tạo ra đáp ứng miễn dịch đối với tất cả các loại kháng nguyên.
B. Bệnh AIDS, bệnh ung thư được xem là ví dụ về bệnh tự miễn ở người.
C. Bệnh tự miễn chỉ do các yếu tố của môi trường như tia phóng xạ, hóa chất, virus hay vi khuẩn,... gây ra.
D. Trong bệnh tự miễn, hệ miễn dịch của cơ thể mất khả năng phân biệt kháng nguyên ngoại lai với các tế bào và cơ quan của cơ thể.

Câu 6. Trật tự di chuyển thức ăn trong ống tiêu hóa của người là

- A. khoang miệng → thực quản → dạ dày → ruột già → ruột non.
B. khoang miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già.
C. thực quản → cổ họng → dạ dày → ruột non → ruột già.
D. thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → cổ họng.

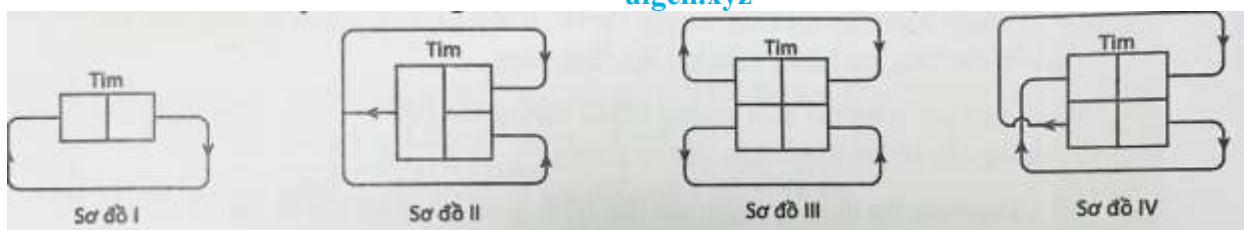
Câu 7. Thận **không** có chức năng nào sau đây?

- A. Điều hòa pH máu.
B. Giúp cân bằng áp suất thẩm thấu máu.
C. Tạo nước tiểu.
D. Thải CO₂ và các khí độc khác.

Câu 8. Thói quen nào sau đây dễ dẫn đến nguy cơ bị bệnh cao huyết áp?

- A. Chế độ ăn nhiều muối. B. Chế độ ăn nhiều đường.
C. Thường xuyên luyện tập thể thao. D. Ăn uống hợp lý và uống đủ nước.

Câu 9. Sơ đồ nào sau đây mô tả đúng hệ tuần hoàn máu ở thú bình thường?



A. Sơ đồ I B. Sơ đồ III C. Sơ đồ II D. Sơ đồ IV

Câu 10. Bộ phận thực hiện trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi là

- A. trung ương thần kinh.
- B. thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.
- C. tuyến nội tiết.
- D. các cơ quan dinh dưỡng như thận, gan, tim, mạch máu.

Câu 11. Ở động vật có ống tiêu hóa, thức ăn được hấp thụ chủ yếu ở

- A. manh tràng. B. ruột già. C. ruột non. D. dạ dày.

Câu 12. Muốn cơ thể phát triển một cách cân đối và khỏe mạnh, chúng ta cần

- A. ăn nhiều bữa, ăn đủ chất dinh dưỡng.
- B. ăn thật no, ăn nhiều thực phẩm cung cấp chất béo.
- C. ăn nhiều thức ăn giàu chất đạm, ăn đúng giờ.
- D. ăn đúng bữa, ăn đúng cách, đảm bảo an toàn thực phẩm.

Câu 13. Bệnh nào sau đây là bệnh về đường hô hấp?

- A. Viêm phế quản B. Tiêu chảy C. Viêm gan B D. Ung thư máu

Câu 14. Ở người, huyết áp tối đa ứng với giai đoạn nào của chu kỳ tim?

- A. Tâm thất dẫn B. Tâm nhĩ co C. Tâm thất co D. Tâm nhĩ dẫn

Câu 15. Động vật nào sau đây có quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường diễn ra ở mang?

- A. Chim sâu. B. Mèo rừng. C. Tôm sông. D.Ếch đồng.

Câu 16. Ở động vật chưa có hệ tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức nào?

- A. Một số tiêu hóa nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.
- B. Tiêu hóa ngoại bào sau đó là tiêu hóa nội bào.
- C. Tiêu hóa ngoại bào.
- D. Tiêu hóa nội bào.

Câu 17. Ở người, cơ quan nào sau đây tham gia vào quá trình bài tiết nước tiểu?

- A. Thận B. Da C. Phổi D. Gan

Câu 18. Trong chu kì hoạt động của tim, khi tim co thì máu từ ngăn nào được đẩy vào động mạch chủ?

- A. Tâm nhĩ phải. B. Tâm nhĩ trái. C. Tâm thất phải. D. Tâm thất trái.

Câu 19. Trong hệ mạch máu của người bình thường, mạch nào sau đây có thêm các van?

- A. Tĩnh mạch dưới tim. B. Tĩnh mạch trên tim.
- C. Động mạch. D. Mao mạch.

Câu 20. Cơ thể chỉ bị bệnh khi tác nhân gây bệnh hội tụ đủ

- A. ba yếu tố là có khả năng gây bệnh, con đường xâm nhập phù hợp và số lượng đủ lớn.
- B. hai yếu tố là có khả năng gây bệnh và con đường xâm nhập phù hợp.
- C. ba yếu tố là có kích thước nhỏ, con đường xâm nhập phù hợp và có khả năng gây bệnh.
- D. hai yếu tố là có con đường xâm nhập phù hợp và số lượng đủ lớn.

PHẦN II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. (2.0 điểm)

Câu 1. Phổi là cơ quan hô hấp chuyên hóa cho động vật sống trên cạn và con người. Hãy cho biết mỗi phát biểu sau đây là đúng hay sai khi nói về hô hấp bằng phổi?

a) Tập thể dục thường xuyên làm tăng số lượng phế nang ở người trưởng thành, vì vậy diện tích trao đổi khí của phổi tăng lên đáng kể.

b) Tất cả các động vật có xương sống sống trên cạn đều hô hấp bằng phổi.

c) Phổi của lưỡng cư, bò sát và thú được cấu tạo bởi rất nhiều phế nang.

d) Hút thuốc lá lâu ngày làm phá hủy vách phế nang, giảm diện tích bề mặt trao đổi khí; do đó khả năng hấp thu O_2 của phổi giảm, đặc biệt rõ khi lao động hoặc vận động mạnh.

Câu 2. Huyết áp là áp lực của máu lên thành mạch. Ở người bình thường có huyết áp tâm thu khoảng 110 - 120 mmHg và huyết áp tâm trương khoảng 70 - 80 mmHg. Mỗi phát biểu sau đây là đúng hay sai Khi nói về huyết áp trong hệ tuần hoàn ở người?

a) Lực co tim, nhịp tim và sự đàn hồi của hệ mạch ảnh hưởng huyết áp.

b) Khi cơ thể bị mất máu hay mất nước sẽ dẫn đến huyết áp giảm.

c) Huyết áp giảm dần từ động mạch, đến tĩnh mạch và thấp nhất ở mao mạch.

d) Thường xuyên ăn mặn là một trong những nguyên nhân gây ra bệnh cao huyết áp.

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. (1.0 điểm)

Câu 1. Xây dựng thói quen ăn uống khoa học cần phải đảm bảo bao nhiêu yếu tố sau đây?

(1) Ăn đúng bữa

(2) Ăn đúng cách

(3) Uống đủ nước

(4) Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

Câu 2. Cho một số bệnh sau đây:

(1) Viêm phổi,

(2) Thiếu máu,

(3) Viêm phế quản,

(4) Viêm loét dạ dày,

(5) Lao phổi,

(6) Hen suyễn,

(7) Viêm gan B,

(8) Cảm cúm. Có bao nhiêu bệnh về

đường hô hấp?

Câu 3. Hãy cho biết có bao nhiêu nguyên nhân sau đây có thể gây ngộ độc thực phẩm?

(1). Ăn thực phẩm nhiễm hóa chất độc hại

(2). Ăn thực phẩm nhiễm khuẩn

(3). Ăn thực phẩm quá hạn sử dụng

(4). Ăn thực phẩm đóng hộp

Câu 4. Khi nói về **bệnh hệ tuần hoàn**, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

(1) Bệnh về hệ tuần hoàn có thể do di truyền, bẩm sinh hoặc do lối sống không lành mạnh.

(2) Ăn nhiều chất béo là một trong những nguy cơ dẫn đến bệnh xơ vữa động mạch.

(3) Lạm dụng rượu, bia trong thời gian dài là lối sống dễ dẫn đến bệnh suy tim.

(4) Lười vận động, không luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên là một trong những nguyên nhân dẫn đến một số bệnh về hệ tuần hoàn.

PHẦN IV. TỰ LUẬN (2.0 điểm)

Câu 1. Vì sao khi tiêm vaccine phòng bệnh cho người hoặc tiêm phòng cho vật nuôi, cơ thể lại có khả năng chống lại mầm bệnh tốt hơn khi gặp lại mầm bệnh đó sau này? Hãy giải thích ngắn gọn dựa trên cơ chế miễn dịch.

Câu 2.

a) Giải thích tại sao ăn mặn (nhiều muối) thường xuyên sẽ tăng nguy cơ bị bệnh cao huyết áp.

b) Việc thường xuyên nhịn tiểu có thể dẫn đến tác hại gì? Giải thích.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM MỘT LỰA CHỌN, II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI VÀ III. TRẢ LỜI NGẮN
8 ĐIỂM

CÂU	MÃ ĐỀ 123
1	C

2	A
3	D
4	D
5	D
6	B
7	D
8	A
9	D
10	D
11	C
12	D
13	A
14	C
15	C
16	D
17	A
18	D
19	A
20	A
Câu 1	SDSD
Câu 2	DDSD
1	4
2	5
3	3
4	4

IV. TỰ LUẬN (2.0 ĐIỂM)

Câu 1. Vì sao khi tiêm vaccine phòng bệnh cho người hoặc tiêm phòng cho vật nuôi, cơ thể lại có khả năng chống lại mầm bệnh tốt hơn khi gặp lại mầm bệnh đó sau này? Hãy giải thích ngắn gọn dựa trên cơ chế miễn dịch.

Đáp án

Khi tiêm vaccine cho người hoặc tiêm phòng cho vật nuôi, vaccine đưa vào cơ thể kháng nguyên đã được làm yếu hoặc bất hoạt. **0,25 điểm**

→ Các kháng nguyên này kích thích hệ miễn dịch đặc hiệu hoạt động, tạo ra kháng thể và tế bào miễn dịch đặc hiệu. **0,25 điểm**

→ Đồng thời, cơ thể hình thành trí nhớ miễn dịch. **0,25 điểm**

→ Vì vậy, khi mầm bệnh thật xâm nhập sau này, cơ thể nhận biết nhanh hơn, đáp ứng mạnh và hiệu quả hơn, giúp chống lại hoặc không mắc bệnh. **0,25 điểm**

Câu 2.

a) Vì sao ăn mặn thường xuyên làm tăng nguy cơ cao huyết áp?

Ăn mặn làm **tăng nồng độ Na^+ trong máu**, gây **giữ nước**, làm **tăng thể tích máu** → **tăng huyết áp**.
→ **0,5 điểm**

b) Thường xuyên nhịn tiểu có thể gây tác hại gì? Vì sao?

Nhịn tiểu làm **nước tiểu ứ đọng**, tạo điều kiện cho vi khuẩn phát triển → **viêm đường tiết niệu**, ảnh hưởng **chức năng thận và cân bằng nội môi**.
→ **0,5 điểm**